

1

TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẢI PHÒNG																			1
ST T	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	C	N	THI ĐV	THI NỘI	E	SỐ		CHỮ
						10	10	10			15					55	100		
32	122321055	Phan Thị Bích	Hiền	12KD3	12I11	10	7	4			5			5	4	4.5	5.3	Nằm pháy Ba	
33	122321056	Lương Thị Thu	Hiền	12KD4	12I11	10	10	8			9			8	7	7.5	8.3	Tằm pháy Ba	
34	122321060	Nguyễn Thị Thanh	Hoàn	12KD3	12I11	10	7	7			7			5	7	6.0	6.8	Sầu pháy Tằm	
35	122321061	Hoàng Thị Thu	Hoa	12KD4	12I11	10	8	7			7			5	4	4.5	6	Sầu	
36	122321065	Đặng Thị Kim	Huệ	12KD3	12I11	8	6	7			7			6	6	6.0	6.5	Sầu pháy Nằm	
37	122321066	Cao Thị Hồng	Huệ	12KD4	12I11	6	5	2			7			3	5	4.0	4.6	Bấu pháy Sầu	
38	122321067	Phạm Thị	Huệ	12KD1	12I11	10	8	9			7			9	7	8.0	8.2	Tằm pháy Hai	
39	122321070	Diệp Thị	Huyền	12KD4	12I11	10	8	8			7			7	5	6.0	7	Báy	
40	122321072	Phan Nhật	Khánh	12KD4	12I11	10	8	9			8			6	6	6.0	7.2	Báy pháy Hai	
41	122321073	Đinh Thị	Khuyên	12KD1	12I11	10	8	8			8			6	7	6.5	7.4	Báy pháy Bấu	
42	122321077	Thái	Lâm	12KD4	12I11	10	10	9			8			7	8	7.5	8.2	Tằm pháy Hai	
43	122321082	Nguyễn Văn	Liêm	12KD2	12I11	10	10	8			9			7	8	7.5	8.3	Tằm pháy Ba	
44	122321084	Đặng Thị	Liên	12KD4	12I11	10	8	7			6			6	7	6.5	7	Báy	
45	122321086	Lê Thị Thuý	Linh	12KD1	12I11	10	9	9			7			6	7	6.5	7.4	Báy pháy Bấu	
46	122321091	Mạc Thị Phương	Linh	12KD1	12I11	10	7	9			7			5	5	5.0	6.4	Sầu pháy Bấu	
47	122321092	Hồ Phương	Linh	12KD2	12I11	10	8	9			8			7	7	7.0	7.8	Báy pháy Tằm	
48	122321095	Phạm Thị Mai	Loan	12KD1	12I11	10	8	8			8			8	6	7.0	7.7	Báy pháy Báy	
49	122321098	Trần Thị Tường	Ly	12KD4	12I11	10	7	8			8			5	4	4.5	6.2	Sầu pháy Hai	
50	122321100	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	12KD1	12I11	10	8	8			8			7	7	7.0	7.7	Báy pháy Báy	
51	122321102	Nguyễn Thị	Lý	12KD3	12I11	10	8	8			8			6	6	6.0	7.1	Báy pháy Mầu	
52	122321105	Ngô Thị Ngọc	Mai	12KD2	12I11	10	8	7			7			6	5	5.5	6.6	Sầu pháy Sầu	
53	122321111	Trần Phương	Mỹ	12KD2	12I11	8	6	9			8			5	5	5.0	6.3	Sầu pháy Ba	
54	122321113	Phan Thị Thuý	Ngân	12KD4	12I12	9	8	7			8			5	7	6.0	6.9	Sầu pháy Chên	
55	122321114	Nguyễn Hồng	Nga	12KD1	12I12	10	8	7			9			7	7	7.0	7.7	Báy pháy Báy	
56	122321115	Phan Thị	Nga	12KD2	12I12	10	8	7			9			7	6	6.5	7.4	Báy pháy Bấu	
57	122321118	Nguyễn Thị Xuân	Ngọc	12KD4	12I12	6	5	7			9			7	6	6.5	6.7	Sầu pháy Báy	
58	122321125	Trần Thị	Nhung	12KD1	12I12	10	9	8			9			7	7	7.0	7.9	Báy pháy Chên	
59	122321128	Lê Thị Cẩm	Nhung	12KD4	12I12	7	6	7			9			5	5	5.0	6.1	Sầu pháy Mầu	
60	122321136	Hàn Thanh	Phượng	12KD3	12I12	9	7	9			8			5	7	6.0	7	Báy	
61	122321137	Lê Dương Văn	Phước	12KD4	12I12	10	9	9			9			6	8	7.0	8	Tằm	
62	122321141	Nguyễn Hữu	Phú	12KD3	12I12	10	8	9			9			6	6	6.0	7.4	Báy pháy Bấu	

ST T	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)												ĐIỂM TỔNG KẾT			GHI CHÚ
						C	T	K	V	H	G	C	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ	CHỮ			
						10	10	10			15					55	100				
63	122321143	Phan Vũ	Phong	12KD1	12I12	4	4	9			8			5	7	6.0	6.2	Sầu pháp	Hai		
64	122321145	Lê Trần	Quang	12KD3	12I12	9	7	9			8			7	6	6.5	7.3	Báý pháp	Ba		
65	122321147	Phạm Thị Lê	Quyên	12KD1	12I12	6	5	8			8			5	6	5.5	6.1	Sầu pháp	Mắt		
66	122321149	Thái Thị Lê	Quyên	12KD3	12I12	10	8	7			8			7	7	7.0	7.6	Báý pháp	Sầu		
67	122321152	Vũ Thị Tuyết	Sương	12KD2	12I12	10	8	7			8			6	7	6.5	7.3	Báý pháp	Ba		
68	122321154	Nguyễn Thị Ti	Sa	12KD3	12I12	9	7	8			8			6	7	6.5	7.2	Báý pháp	Hai		
69	122321156	Nguyễn Thị	Sẽ	12KD4	12I12	9	7	7			9			6	7	6.5	7.2	Báý pháp	Hai		
70	122321157	Nguyễn Thị	Tám	12KD1	12I12	10	8	8			9			7	7	7.0	7.8	Báý pháp	Tám		
71	122321162	Nguyễn Hữu Anh	Thư	12KD4	12I12	10	8	7			8			5	8	6.5	7.3	Báý pháp	Ba		
72	122321163	Nguyễn Thị Mỹ	Thơm	12KD1	12I12	8	7	7			7			4	6	5.0	6	Sầu			
73	122321164	Dương Thị	Thảo	12KD2	12I12	10	8	7			9			7	7	7.0	7.7	Báý pháp	Báý		
74	122321169	Nguyễn Thị	Thắm	12KD1	12I12	9	7	8			9			5	5	5.0	6.5	Sầu pháp	Nằm		
75	122321175	Đỗ Thị Hoài	Thanh	12KD3	12I12	10	8	8			7			4	5	4.5	6.1	Sầu pháp	Mắt		
76	122321177	Ngô Thị Thanh	Thúy	12KD1	12I12	9	7	7			7			4	5	4.5	5.8	Nằm pháp	Tám		
77	122321179	Trương Thị Lê	Thu	12KD3	12I12	9	7	8			8			5	7	6.0	6.9	Sầu pháp	Chên		
78	122321181	Nguyễn Thị Hương	Thuý	12KD4	12I12	9	7	7			8			6	6	6.0	6.8	Sầu pháp	Tám		
79	122321184	Lê Thị Thu	Thuý	12KD1	12I12	10	8	8			8			5	8	6.5	7.4	Báý pháp	Bầu		
80	122321186	Nguyễn Thị	Thuý	12KD3	12I12	9	7	8			8		3	7	5.0	6.4	Sầu pháp	Bầu			
81	122321187	Phan Thị	Thuý	12KD4	12I12	4	4	7			6			6	7	6.5	6	Sầu			
82	122321188	Lê Thị Mỹ	Thuý	12KD1	12I12	9	7	8			8			5	7	6.0	6.9	Sầu pháp	Chên		
83	122321193	Lê Thị Châu	Trân	12KD1	12I12	10	8	8			8			6	8	7.0	7.7	Báý pháp	Báý		
84	122321199	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12KD2	12I12	9	7	7			8			7	8	7.5	7.6	Báý pháp	Sầu		
85	122321200	Đỗ Thị Huyền	Trang	12KD3	12I12	9	7	8			9			7	8	7.5	7.9	Báý pháp	Chên		
86	122321207	Phạm Thị Huyền	Trang	12KD1	12I12	10	8	8			8			6	8	7.0	7.7	Báý pháp	Báý		
87	122321212	Nguyễn Thị	Trình	12KD2	12I12	10	8	7			8			7	8	7.5	7.8	Báý pháp	Tám		
88	122321214	Trần Thị	Tuyết	12KD2	12I12	7	6	7			7			6	7	6.5	6.6	Sầu pháp	Sầu		
89	122321217	Nguyễn Thị Thuý	Vân	12KD1	12I12	10	8	8			9			7	8	7.5	8.1	Tám pháp	Mắt		
90	122321219	Nguyễn Thị Thuý	Vân	12KD3	12I12	9	7	8			8			5	7	6.0	6.9	Sầu pháp	Chên		
91	122321220	Nguyễn Đức	Vinh	12KD4	12I12	6	5	9			9			6	8	7.0	7.2	Báý pháp	Hai		
92	122321222	Trần Thị Thuý	Vi	12KD2	12I12	10	7	7			8			6	7	6.5	7.2	Báý pháp	Hai		
93	122321223	Trần Thi	Xuân	12KD3	12I12	6	6	6			6			5	8	6.5	6.3	Sầu pháp	Ba		

THÔNG TIN HỌC SINH					ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT			GHI CHÚ
ST T	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	LỚP AV	C	T	K	V	H	G	C	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ	CHỮ	
					10	10	10			15					55	100		
94	122321230	Nguyễn Thị Hằng	Ny	12KD3	12I12	6	8	8		8			5	7	6.0	6.7	Sầu pháp	Báý
95	122321231	Huỳnh Nhật	Phuong	12KD4	12I12	4	7	7		7			6	7	6.5	6.4	Sầu pháp	Bấ
96	122321233	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	12KD1	12I12	8	7	7		7			6	8	7.0	7.1	Báý pháp	Mấ
97	122321234	Lê Thị Ngọc	Thắm	12KD2	12I12	9	7	7		9			6	8	7.0	7.5	Báý pháp	Nằm
98	122321236	Trương Lê	Hằng	12KD4	12I12	6	7	7		7			4	7	5.5	6.1	Sầu pháp	Mấ
99	122210233	Nguyễn Quốc	Đức	12XD1	12I2	7	6	9		8			4	7	5.5	6.4	Sầu pháp	Bấ
100	122210235	Nguyễn Hồng	Anh	12XD2	12I2	3	2	1		4			4	5	4.5	3.7	Ba pháp	Báý
101	122210242	Nguyễn Công	Cá	12XD1	12I2										0.0	0	Khăng	
102	122210243	Trần Quang	Cảnh	12XD2	12I2	10	10	9		9			5	9	7.0	8.1	Tầm pháp	Mấ
103	122210246	Huỳnh Văn	Chương	12XD1	12I2										0.0	0	Khăng	
104	122210249	Nguyễn Mạnh	Dũng	12XD2	12I2	4	1	7		6			V	V	V	0	Khăng	P(HK1,2
105	122210252	Nguyễn Chánh	Giáo	12XD1	12I2	10	10	9		8			5	8	6.5	7.7	Báý pháp	Báý
106	122210253	Nguyễn Thanh	Hải	12XD2	12I2	5	4	8		6			5	8	6.5	6.2	Sầu pháp	Hai
107	122210263	Nguyễn Đăng	Hoàng	12XD2	12I2	7	10	9		9			5	9	7.0	7.8	Báý pháp	Tầm
108	122210267	Lê Quốc	Huy	12XD1	12I2	10	8	9		6			5	6	5.5	6.6	Sầu pháp	Sầu
109	122210272	Lê Hoàng	Lâm	12XD2	12I2	7	3	8		7			6	6	6.0	6.2	Sầu pháp	Hai
110	122210308	Phan Phú	Thành	12XD1	12I2	7	8	9		6			6	5	5.5	6.3	Sầu pháp	Ba
111	122210313	Đỗ Ngọc	Thanh	12XD2	12I2	7	8	9		9			6	9	7.5	7.9	Báý pháp	Chên
112	122210321	Phạm Xuân	Thủy	12XD2	12I2	10	10	9		8			4	5	4.5	6.6	Sầu pháp	Sầu
113	122210326	Trần Thanh	Tiến	12XD2	12I2	9	10	9		8			6	8	7.0	7.9	Báý pháp	Chên
114	122210328	Đoàn Lê	Trung	12XD2	12I2	10	10	9		8			5	8	6.5	7.7	Báý pháp	Báý
115	122210330	Vũ Thánh	Trung	12XD2	12I2	10	10	9		9			5	7	6.0	7.6	Báý pháp	Sầu
116	122210333	Bùi Thị Tú	Uyên	12XD1	12I2	10	10	9		8			6	7	6.5	7.7	Báý pháp	Báý
117	122210334	Phan Huy	Viên	12XD2	12I2								3	5	4.0	2.2	Hai pháp	Hai
118	122210336	Võ Xuân	Vinh	12XD2	12I2	6	1	7		6			4	5	4.5	4.8	Bấ pháp	Tầm
119	122210342	Hoàng	Nhuận	12XD2	12I2	5	3	7		5			4	6	5.0	5	Nằm	
120	122220383	Trần Chính	Đức	12XC1	12I2	10	10	10		10			5	6	5.5	7.5	Báý pháp	Nằm
121	122220388	Nguyễn Hoàng	Chương	12XC1	12I2	6	4	7		6			3	4	3.5	4.5	Bấ pháp	Nằm

ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)																	ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
ST T	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	C	T	K	V	H	G	C	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ	CHỮ	
						10	10	10			15					55	100		
125	122220413	Nguyễn Hoàng	Long	12XC1	12I2	8	10	9			8			V	8	V	0	Khăng	
126	122220420	Châu Văn	Quý	12XC1	12I2	10	9	10			6			4	5	4.5	6.3	Sầu pháy Ba	
127	122220439	Lê Văn	Tiến	12XC1	12I2	10	10	10			8			6	8	7.0	8.1	Tăm pháy Mầu	
128	122220443	Võ Giang	Trung	12XC1	12I2											0.0	0	Khăng	
129	122220457	Nguyễn Đức	Anh	12XC1	12I2	10	10	9			5			3	6	4.5	6.1	Sầu pháy Mầu	
130	112331395	Trần Hứa Thọ	Anh	12QT1	12I4	9	8	5			8			5	9	7.0	7.3	Báy pháy Ba	
131	112331396	Nguyễn Công	Hưng	12QT2	12I4	10	8	10			9			5	7	6.0	7.5	Báy pháy Nam	
132	112331399	Mai Đình	Thiện	12QT1	12I4	4	6	4			8			6	7	6.5	6.2	Sầu pháy Hai	
133	112331407	Hoàng	Minh	12QT2	12I4	10	8	10			9			6	9	7.5	8.3	Tăm pháy Ba	
134	114230791	Đặng Thị	Tiến	12QM1	12I4	7	7	8			8			3	5	4.0	5.6	Nằm pháy Sầu	NỢ 1600
135	122331281	Cao Thái	Anh	12QT1	12I4	9	8	7			9			8	8	8.0	8.2	Tăm pháy Hai	
136	122331282	Nguyễn Thị Anh	Đào	12QT2	12I4	9	10	9			8			6	7	6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
137	122331284	Võ Thị Hồng	Định	12QT2	12I4	10	8	10			9			7	6	6.5	7.7	Báy pháy Báy	
138	122331286	Trần Hồng	Điệp	12QT2	12I4	10	8	10			7			5	6	5.5	6.9	Sầu pháy Chên	
139	122331290	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	12QT1	12I4	10	8	10			9			7	8	7.5	8.3	Tăm pháy Ba	
140	122331291	Nguyễn Thị Việt	Hà	12QT2	12I4	10	8	8			9			7	7	7.0	7.8	Báy pháy Tăm	
141	122331292	Nguyễn Thị Bích	Hà	12QT1	12I4	10	8	10			8			6	8	7.0	7.9	Báy pháy Chên	
142	122331296	Trần Phú	Cường	12QT1	12I4	7	7	10			9			4	7	5.5	6.8	Sầu pháy Tăm	
143	122331304	Nguyễn Quốc	Khánh	12QT2	12I4	10	8	10			7			5	7	6.0	7.2	Báy pháy Hai	
144	122331305	Nguyễn Cảnh	Khánh	12QT1	12I4	10	8	8			9			8	9	8.5	8.6	Tăm pháy Sầu	
145	122331308	Lê Thị	Lệ	12QT2	12I4	10	8	9			8			6	8	7.0	7.8	Báy pháy Tăm	
146	122331310	Nguyễn Thành	Long	12QT1	12I4	10	10	9			9			7	9	8.0	8.7	Tăm pháy Báy	
147	122331312	Nguyễn Thị Hồng	Lĩnh	12QT1	12I4	10	8	8			8			7	7	7.0	7.7	Báy pháy Báy	
148	122331313	Phạm Thị Duyên	Hạ	12QT2	12I4	10	8	8			9			5	8	6.5	7.5	Báy pháy Nam	
149	122331315	Đặng Thị Diệu	Hiền	12QT2	12I4	10	8	10			9			7	7	7.0	8	Tăm	
150	122331316	Phan	Nam	12QT1	12I4	7	7	10			7			6	9	7.5	7.6	Báy pháy Sầu	
151	122331317	Nguyễn Thị Đức	Hưng	12QT2	12I4	9	8	10			9			5	8	6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
152	122331318	Lê Thị	Nga	12QT1	12I4	9	10	9			8			5	8	6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
153	122331319	Trần Văn	Nghị	12QT2	12I4	10	8	9			7			5	7	6.0	7.1	Báy pháy Mầu	
154	122331320	Hoàng Thị	Hoa	12QT2	12I4	10	9	10			9			8	7	7.5	8.4	Tăm pháy Bấu	
155	122331321	Lê Kiều	Oanh	12QT1	12I4	10	10	9			9			6	9	7.5	8.4	Tăm pháy Bấu	

6

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP * KHOẢ K12I(2,4,5,6,11,12)
MÔN :ANH VĂN CAO CẤP 2 * SỐ TC : 2

6

1

ST T	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)												ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ
						C	T	K	V	H	G	C	N	THI ĐV	THI NỘI	E	SỐ	CHỮ		
						10	10	10			15					55	100			
187	122341456	Võ Nguyễn Y	Vân	12QM1	12I4	9	8	9			8			5	9	7.0	7.7	Báý pháp	Báý	
188	122341457	Hồ Ngọc	Sơn	12QM1	12I4	10	8	10			9			6	10	8.0	8.6	Tả̃m pháp	Sả̃u	
189	122341458	Vũ Thị Hoàng	Lan	12QM1	12I4	9	8	10			9			7	8	7.5	8.2	Tả̃m pháp	Hai	
190	112411600	Trần Hoàng	Việt	12DL1	12I5											0.0	0	Khả̃ng		HP
191	122411532	Nguyễn Trần Thuý	Ân	12DL1	12I5	10	10	9			9			7	8.5	7.8	8.5	Tả̃m pháp	Nả̃m	
192	122411533	Nguyễn Nhật	Đông	12DL1	12I5	10	10	9			9			5	9	7.0	8.1	Tả̃m pháp	Mả̃u	
193	122411534	Nguyễn Thị Bé	Đào	12DL1	12I5	10	10	9			7			V	V	V	0	Khả̃ng		HP
194	122411537	Trương Thị Thuý	An	12DL1	12I5	10	10	9			8			6	8	7.0	8	Tả̃m		
195	122411538	Nguyễn Thị Thuý	Dung	12DL1	12I5	10	10	9			9			7	9	8.0	8.7	Tả̃m pháp	Báý	
196	122411540	Đỗ Thị Mỹ	Dung	12DL1	12I5	10	10	8			9			8	8	8.0	8.6	Tả̃m pháp	Sả̃u	
197	122411542	Văn Thị Thu	Hà	12DL1	12I5	9	9	8			8			6	7	6.5	7.4	Báý pháp	Bả̃u	
198	122411543	Bùi Thị Ngọc	Hạnh	12DL1	12I5	10	10	9			8			8	6.5	7.3	8.1	Tả̃m pháp	Mả̃u	
199	122411544	Nguyễn Thị Mai	Hiền	12DL1	12I5	9	9	7			6			6	8	7.0	7.3	Báý pháp	Ba	
200	122411546	Trần Thị Xuân	Huyền	12DL1	12I5	10	10	9			9			7	9	8.0	8.7	Tả̃m pháp	Báý	
201	122411549	Nguyễn Thị Hiền	Lương	12DL1	12I5	9	8	7			6			4	7	5.5	6.3	Sả̃u pháp	Ba	
202	122411550	Phạm Thị Hoài	Lê	12DL1	12I5	10	9	8			8			6	6	6.0	7.2	Báý pháp	Hai	
203	122411551	Phạm Thị Mỹ	Linh	12DL1	12I5	10	10	8			7			8	6.5	7.3	7.9	Báý pháp	Chẻ̃n	
204	122411552	Phùng Thị Phương	Ly	12DL1	12I5	9	10	9			9			8	5.5	6.8	7.9	Báý pháp	Chẻ̃n	
205	122411554	Nguyễn Lê	Minh	12DL1	12I5	10	10	9			9			7	7	7.0	8.1	Tả̃m pháp	Mả̃u	
206	122411555	Phạm Hoàng Kim	Ngân	12DL1	12I5	10	10	9			8			8	7.5	7.8	8.4	Tả̃m pháp	Bả̃u	
207	122411559	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	12DL1	12I5	9	10	8			8			7	7	7.0	7.8	Báý pháp	Tả̃m	
208	122411562	Phạm Thị Hoàng	Dung	12DL1	12I5	10	10	9			9			9	7	8.0	8.7	Tả̃m pháp	Báý	
209	122411563	Văn Thị Thanh	Duyên	12DL1	12I5	10	10	9			8			6	5.5	5.8	7.3	Báý pháp	Ba	
210	122411565	Nguyễn Văn	Tâm	12DL1	12I5	10	10	8			7			7	7.5	7.3	7.9	Báý pháp	Chẻ̃n	
211	122411566	Dương Thị Kim	Hương	12DL1	12I5	10	10	9			9			8	8.5	8.3	8.8	Tả̃m pháp	Tả̃m	
212	122411567	Tào Thị	Thơm	12DL1	12I5	10	10	9			8			8	7	7.5	8.2	Tả̃m pháp	Hai	
213	122411568	Võ Thị Hoài	Thương	12DL1	12I5	10	10	9			9			9	8	8.5	8.9	Tả̃m pháp	Chẻ̃n	
214	122411571	Phan Thị Thanh	Hương	12DL1	12I5	10	10	9			7			5	7	6.0	7.3	Báý pháp	Ba	
215	122411572	Bùi Thị Vy	Thảo	12DL1	12I5	9	9	8			6			7	6	6.5	7.1	Báý pháp	Mả̃u	
216	122411573	Hoàng Ngọc	Thạch	12DL1	12I5	10	10	8			8			7	6.5	6.8	7.7	Báý pháp	Báý	
217	122411574	Lê Thị Kim	Thoa	12DL1	12I5	8	8	7			7			6	7	6.5	6.9	Sả̃u pháp	Chẻ̃n	

THÔNG TIN HỌC SINH					ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ		
ST T	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	C	T	K	V	H	G	C	N	THI ĐV	THI NỘI	E		SỐ	CHỮ
						10	10	10			15					55		100	
218	122411575	Trần Thị Kim	Thoa	12DL1	12I5	8	8	6			7			5	6	5.5	6.3	Sầu pháy Ba	
219	122411577	Nguyễn Thị	Thủy	12DL1	12I5	10	10	9			9			8	7	7.5	8.4	Tăm pháy Bấu	
220	122411578	Trần Thị	Thủy	12DL1	12I5	9	9	8			8			6	6	6.0	7.1	Báy pháy Mầu	
221	122411579	Tạ Thanh	Tùng	12DL1	12I5	9	10	9			8			5	8	6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
222	122411580	Nguyễn Thị Thanh	Trang	12DL1	12I5	10	10	9			9			7	7	7.0	8.1	Tăm pháy Mầu	
223	122411582	Nguyễn Thị Kiều	Trang	12DL1	12I5	10	10	8			9			8	8	8.0	8.6	Tăm pháy Sầu	
224	122411583	Phan Thị	Hiệu	12DL1	12I5	10	10	9			7			6	8	7.0	7.8	Báy pháy Tăm	
225	122411584	Đào Quốc	Tuấn	12DL1	12I5	10	10	9			9			7	8	7.5	8.4	Tăm pháy Bấu	
226	122411586	Phạm Văn	Văn	12DL1	12I5	8	10	8			7			6	8	7.0	7.5	Báy pháy Nàm	
227	122411587	Dương Thị Thanh	Vân	12DL1	12I5	10	10	9			8			7	7	7.0	8	Tăm	
228	122321131	Nguyễn Thị Kim	Oanh	12TC1	12I6	8	10	7			7			5	7	6.0	6.9	Sầu pháy Chên	
229	122341438	Lê Văn	Lộc	12QM1	12I6	7	10	6			6			3	8	5.5	6.2	Sầu pháy Hai	
230	122341443	Huỳnh Thị Kiều	Nga	12QM1	12I6	8	10	7			6			6	8	7.0	7.3	Báy pháy Ba	
231	122341445	Trần Thị Kim	Oanh	12QM1	12I6	8	10	5			5			6	6	6.0	6.4	Sầu pháy Bấu	
232	122341448	Nguyễn Bá	Son	12QM1	12I6	8	10	6			5			6	6	6.0	6.5	Sầu pháy Nàm	
233	122341453	Phạm Ngọc	Tuấn	12QM1	12I6	10	10	6			6			6	7	6.5	7.1	Báy pháy Mầu	
234	122341454	Văn Thanh	Tuấn	12QM1	12I6	7	10	6			4			5	8	6.5	6.5	Sầu pháy Nàm	
235	122341460	Lê Thị Hải	Luyến	12QM1	12I6	8	10	7			5			4	6	5.0	6	Sầu	
236	122351683	Nguyễn Thuận	Giang	12TC1	12I6	3	3	5			6			6	6	6.0	5.3	Nàm pháy Ba	
237	122351684	Phạm Nguyễn Thu	Giang	12TC1	12I6	8	10	6			8			7	5	6.0	6.9	Sầu pháy Chên	
238	122351685	Hoàng Minh	Hằng	12TC1	12I6	10	10	9			8			9	10	9.5	9.3	Chên pháy Ba	
239	122351686	Đình Ngọc	Điệp	12TC1	12I6	9	10	7			8			6	6	6.0	7.1	Báy pháy Mầu	
240	122351690	Lê Thị Diệu	Hiền	12TC1	12I6	10	10	9			8			7	7	7.0	8	Tăm	
241	122351692	Lê Trọng	Lâm	12TC1	12I6	4	4	3			7			6	5	5.5	5.2	Nàm pháy Hai	
242	122351695	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12TC1	12I6	10	10	7			7			7	7	7.0	7.6	Báy pháy Sầu	
243	122351696	Phạm Thị Ngọc	Minh	12TC1	12I6	10	10	7			7			6	8	7.0	7.6	Báy pháy Sầu	
244	122351701	Phạm Thị	Nhiên	12TC1	12I6	10	10	6			6			6	8	7.0	7.4	Báy pháy Bấu	
245	122351702	Hồ Thị Thuý	Oanh	12TC1	12I6	8	10	6			6			6	7	6.5	6.9	Sầu pháy Chên	
246	122351706	Võ Anh	Chương	12TC1	12I6	10	10	8			9			8	8	8.0	8.6	Tăm pháy Sầu	
247	122351707	Hồ Thị	Sen	12TC1	12I6	9	10	7			9			8	6	7.0	7.8	Báy pháy Tăm	
248	122351709	Ngô Thị Tâm	Thanh	12TC1	12I6	10	10	6			6			7	6	6.5	7.1	Báy pháy Mầu	

ST T	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)											ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	C	N	THI ĐV	THI NỘI	E	SỐ	CHỮ		
						10	10	10			15					55	100			
249	122351713	Nguyễn Thị Thu	Hương	12TC1	12I6	8	10	7			7			8	6	7.0	7.4	Báý pháp	Báú	
250	122351715	Nguyễn Thị Xuân	Trang	12TC1	12I6	10	9	7			6			6	6	6.0	6.8	Sầũ pháp	Tầũ	
251	122351719	Trương Hồng	Tính	12TC1	12I6	8	10	9			7			9	8	8.5	8.4	Tầũ pháp	Báú	
252	122351722	Ngô Hà	Linh	12TC1	12I6	7	5	7			6			7	7	7.0	6.7	Sầũ pháp	Báý	
253	122351723	Nguyễn Phúc	Hữu	12TC1	12I6	10	5	6			5			7	3	5.0	5.6	Nằũ pháp	Sầũ	
254	122351730	Đỗ Tấn	Hùng	12TC1	12I6	2	2	3			5			6	3	4.5	3.9	Ba pháp	Chềũ	
255	122351731	Lương Vũ	Hùng	12TC1	12I6	10	10	7			8			8	7	7.5	8		Tầũ	
256	122351734	Đồng Thị	Minh	12TC1	12I6	10	10	7			8			6	6	6.0	7.2	Báý pháp	Hai	
257	122351735	Phan Thị	Mỹ	12TC1	12I6	10	10	7			7			7	8	7.5	7.9	Báý pháp	Chềũ	
258	122351736	Phạm Ngọc Lê	Na	12TC1	12I6	10	10	9			9			9	10	9.5	9.5	Chềũ pháp	Nằũ	
259	122351741	Nguyễn Lê Uyên	Phuong	12TC1	12I6	10	10	8			9			9	8	8.5	8.8	Tầũ pháp	Tầũ	
260	122351745	Ngô Thị	Sinh	12TC1	12I6	9	10	6			6			7	7	7.0	7.3	Báý pháp	Ba	
261	122351749	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	12TC1	12I6	7	8	6			8			7	6	6.5	6.9	Sầũ pháp	Chềũ	
262	122351752	Nguyễn Thị	Thuý	12TC1	12I6	10	10	7			7			7	8	7.5	7.9	Báý pháp	Chềũ	
263	122351756	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12TC1	12I6	10	10	7			7			7	7	7.0	7.6	Báý pháp	Sầũ	
264	122351757	Phạm Thị Thuý	Trang	12TC1	12I6	8	10	6			7			7	7	7.0	7.3	Báý pháp	Ba	
265	122351758	Nguyễn Thị Vân	Anh	12TC1	12I6	8	10	8			7			7	6	6.5	7.2	Báý pháp	Hai	
266	122351759	Hoàng Thị	Loan	12TC1	12I6	7	9	6			7			6	6	6.0	6.6	Sầũ pháp	Sầũ	
267	122351760	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	12TC1	12I6	9	10	7			6			6	6	6.0	6.8	Sầũ pháp	Tầũ	
268	122351762	Võ Quốc	Vinh	12TC1	12I6	7	8	8			7			6	6	6.0	6.7	Sầũ pháp	Báý	
269	122411589	Lâm Thị	Y	12DL1	12I6	8	8	6			6			8	7	7.5	7.2	Báý pháp	Hai	
270	122411590	Nguyễn Thị Kiều	Linh	12DL1	12I6	8	10	7			8			9	7	8.0	8.1	Tầũ pháp	Mầũ	
271	122411594	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	12DL1	12I6	3	6	4			7			7	6	6.5	5.9	Nằũ pháp	Chềũ	
272	122411597	Nguyễn Thị	Thuý	12DL1	12I6	5	8	5			5			5	7	6.0	5.9	Nằũ pháp	Chềũ	
273	122411601	Thái Duy	Hoàng	12DL1	12I6	10	10	7			6			7	7	7.0	7.5	Báý pháp	Nằũ	

2)

)

